

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1218/2017/DSPT
Ngày: 28 - 12 - 2017
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Văn Hải**

Các Thẩm phán: Ông **Lưu Ngọc Thạch**

Bà **Phan Thị Tú Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: – Bà **Nguyễn Thị Diễm** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 552/2017/DSPT ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 491/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2764/2017/QĐ-PT ngày 20/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7015/2017/QĐ-PT ngày 14/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Đường X, Phường C, Quận V, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1977 (Giấy uỷ quyền ngày 20/6/2017)

Địa chỉ: Đường L, Phường B, Quận V, Tp. Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thế T**, là Luật sư của Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông **Lê Văn R**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Đường N, Tổ B, ấp Đ, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn R: Bà **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1987 (Giấy uỷ quyền ngày 10/7/2017)

Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2/ Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị M: Bà Lê Thị Ngân G, sinh năm 1992. (Theo Giấy uỷ quyền số 002430 quyền số 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/12/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn R, bà Lê Thị M: Bà Đoàn Thị Thanh Thiên T - Luật sư của Văn phòng Luật sư G, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Võ Thu M**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tỉnh lộ B, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Ngày 01/12/2016, ông có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn R và bà Lê Thị M quyền sử dụng đất toạ lạc tại thửa số 141 tờ bản đồ số 74, địa chỉ tại xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) số 0023227 quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng N Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực ngày 01/12/2016. Sau khi ký hợp đồng công chứng, ông Lê Văn R và bà Lê Thị M thay đổi ý kiến không tiếp tục việc chuyển nhượng nữa nên đã khởi kiện ông ra Toà án nhân dân huyện C và được Toà án nhân dân huyện C thụ lý số 437/2016/TLST-DS ngày 22/12/2016, với yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 01/12/2016. Trong quá trình thụ lý và giải quyết, giữa ông và bà Lê Thị M, ông Lê Văn R có thoả thuận đồng ý huỷ hợp đồng và phía ông Lê Văn R, bà Lê Thị M phải trả lại ông số tiền là 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu) đồng.

Sau khi thống nhất thoả thuận, ông và ông Lê Văn R, bà Lê Thị M có lập giấy thoả thuận cam kết ngày 14/4/2017 với nội dung: Ông Trần Văn T đồng ý nhận 1.200.000.000 đồng của ông Lê Văn R, bà Lê Thị M và ông đồng ý huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0023227 ngày 01/12/2016 do Văn phòng Công chứng N lập. Số tiền còn lại là 2.300.000.000 đồng, ông Lê Văn R, bà Lê Thị M sẽ thế chấp giấy chứng nhận của căn nhà toạ lạc tại xã P, huyện C cho ông Trần Văn T. Các bên đã thực hiện đúng nội dung cam kết.

Nhưng sau đó ông Lê Văn R, bà Lê Thị M có nhờ bà Võ Thu M, là người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn R, bà Lê Thị M mượn lại giấy chứng nhận của căn nhà toạ lạc tại xã P, huyện C để làm thủ tục tặng cho bà Lê Thị Thanh T và sẽ thế chấp lại cho ông Trần Văn T trong thời gian 1 tháng (30 ngày). Tuy nhiên, ông Lê Văn R, bà Lê Thị M không thực hiện đúng nội dung của giấy thoả thuận

cam kết ngày 14/4/2017. Ông bà đã không cung cấp bản chính, không làm thủ tục thế chấp để đảm bảo cho số tiền còn lại, mặc dù ông đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu ông Lê Văn R, bà Lê Thị M phải thực hiện các cam kết và yêu cầu ông Lê Văn R, bà Lê Thị M thanh toán số tiền còn lại là 2.300.000.000 đồng, nhưng phía bị đơn không giải quyết. Nguyên đơn cho rằng phía bị đơn đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Lê Văn R và bà Lê Thị M phải trả cho ông số tiền còn lại là 2.300.000.000 đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn R và bà Lê Thị M, có người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Ông Lê Văn V là con của ông Lê Văn R bà Lê Thị M có vay của ông Trần Văn T số tiền là 400.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, nhưng ông Lê Văn V không có khả năng thanh toán nên ông Trần Văn T cộng dồn tiền lãi và tiền gốc lại làm cho số tiền vay ngày càng tăng lên. Vì thương con nên ông bà đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0023227 ngày 01/12/2016 với ông Trần Văn T như là hình thức vay tiền có thế chấp quyền sử dụng đất. Nhưng do không có khả năng thanh toán và lo sợ ông Trần Văn T tiến hành thủ tục sang tên nên ông bà đã làm đơn ngăn chặn và khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện C và được thụ lý vào ngày 22/12/2016.

Quá trình giải quyết vụ kiện trên, bị đơn có nhờ bà Võ Thu M làm người đại diện theo uỷ quyền để tham gia tố tụng và thương lượng với ông Trần Văn T. Do bị đơn tin tưởng bà Võ Thị M nên tháng 4/2017 bà Võ Thị M có thông báo cho bị đơn là đã thoả thuận được với ông Trần Văn T, bằng cách gia đình bị đơn trả cho ông Trần Văn T số tiền 1.200.000.000 đồng là chấm dứt nợ với ông Trần Văn T và ông Trần Văn T sẽ ra công chứng huỷ hợp đồng chuyển nhượng. Do vậy bị đơn đã rút đơn khởi kiện tại Toà và được Toà án nhân dân huyện C đình chỉ giải quyết vụ án ngày 14/4/2017. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 2.300.000.000 đồng là không có cơ sở pháp lý, bởi vì bị đơn không còn bất kỳ giao dịch nào với ông Trần Văn T và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thu M trình bày: Trong vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân huyện C, giữa nguyên đơn: ông Lê Văn R, bà Lê Thị M và bị đơn: ông Trần Văn T, bà tham gia với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, các đương sự thoả thuận được phương thức giải quyết như sau: Ông Trần Văn T đồng ý huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0023227 ngày 01/12/2016 do Văn phòng Công chứng N lập, đồng thời ông Lê Văn R, bà Lê Thị M có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn T số tiền 3.500.000.000 đồng.

Ngày 14/4/2017 ông Lê Văn R, bà Lê Thị M và ông Trần Văn T cùng với bà đến Văn phòng Công chứng N để huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0007243 ngày 12/4/2017. Sau khi công chứng, do ông Lê Văn R, bà Lê Thị M không đủ số tiền 3.500.000.000 đồng nên đã thoả thuận và giao kết lại thông qua Giấy thoả thuận cam kết ngày 14/4/2017 với nội dung: Ông Trần Văn T đồng ý nhận 1.200.000.000 đồng của ông Lê Văn R, bà Lê Thị M. Đồng thời, ông Trần

Văn T đồng ý huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0007243 ngày 12/4/2017 do Văn phòng Công chứng N lập. Số tiền còn lại 2.300.000.000 đồng, ông Lê Văn R, bà Lê Thị M sẽ thế chấp giấy chứng nhận của căn nhà toạ lạc tại xã P, huyện C cho ông Trần Văn T.

Do ông Lê Văn R, bà Lê Thị M già yếu nên có nhờ bà làm thủ tục tặng cho căn nhà toạ lạc tại xã P, huyện C cho con gái là bà Lê Thị Thanh T, nên bà có đứng ra cam kết mượn lại giấy đất đã thế chấp để làm thủ tục và cam kết trong hạn 01 tháng (30 ngày) sẽ ra công chứng thế chấp lại cho ông Trần Văn T. Nhưng ông Lê Văn R, bà Lê Thị M không làm theo cam kết, đã không hỗ trợ bà làm thủ tục thế chấp thanh toán số tiền còn lại cho ông Trần Văn T.

Trong vụ kiện này, bà xác định không có yêu cầu gì và đề nghị Toà án giải quyết theo đúng các quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 491/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Văn T.

Buộc ông Lê Văn R và bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T số tiền 2.300.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2017 bị đơn là ông Lê Văn R và bà Lê Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với lý do: Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét theo đúng thủ tục tố tụng, không đánh giá đúng bản chất của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0023227 ngày 01/12/2016 do Văn phòng Công chứng N lập cũng như Giấy thỏa thuận cam kết ngày 14/4/2017 giữa các bên, Hội đồng xét xử cũng không đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp có trong vụ án dẫn đến việc nhận định, đánh giá vụ án không theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị huỷ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện C giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự có yêu cầu như sau:

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xác định việc thu thập chứng cứ ở cấp sơ thẩm là đầy đủ, việc không đối chất không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, toàn diện. Tòa án cấp sơ thẩm không cho đối chất giữa các bên đương sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá làm rõ bản chất của các tài liệu chứng cứ là Giấy thỏa thuận cam kết ngày 14/4/2017 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số

0023227 ngày 01/12/2016, không đưa ông Lê Văn V tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đã có đủ căn cứ để xác định lời khai của các bên đương sự có nhiều mâu thuẫn, bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ có nhiều thiếu sót, chưa toàn diện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hình thức: Ngày 05/10/2017 ông Lê Văn R và bà Lê Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 491/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Xét đơn kháng cáo của ông Lê Văn R, bà Lê Thị M là trong hạn luật định nên hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[1] Tại đơn kháng cáo, bị đơn là ông Lê Văn R, bà Lê Thị M cho rằng việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là để thế chấp khoản nợ của ông Lê Văn V thiếu của ông Trần Văn T. Do tin tưởng bà Võ Thu M nên ông bà đã ký vào Giấy thỏa thuận ngày 14/4/2017 mà không đọc nội dung và nhớ rõ là khi ký xong thì phía sau chữ ký của vợ chồng ông bà là giấy trắng, không có bất kỳ chữ viết nào hết.

- Nguyên đơn là ông Trần Văn T xác định việc các đương sự ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 6135,3m² đất của ông Lê Văn R, bà Lê Thị M. Sau đó ông Lê Văn R, bà Lê Thị M không thực hiện hợp đồng mà khởi kiện ông ra Tòa án C yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên. Vì các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên ngày 14/4/2017 hai bên cùng nhau lập Giấy thỏa thuận cam kết (BL47). Sau khi ký giấy thỏa thuận, các bên đã làm thủ tục hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Trần Văn T cũng đã nhận của ông Lê Văn R, bà Lê Thị M số tiền 1.200.000.000 đồng, Tòa án

cũng đã đình chỉ vụ án. Nhưng sau đó ông Lê Văn R bà Lê Thị M không thực hiện đúng các thỏa thuận như đã cam kết.

- Người làm chứng là bà Võ Thu M xác định Bà là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn R, bà Lê Thị M tham gia tố tụng vụ án do ông Lê Văn R khởi kiện ông Trần Văn T. Trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa ông Trần Văn T, ông Lê Văn R, bà Lê Thị M đã thỏa thuận được phương án giải quyết vụ kiện. Do không có đủ số tiền là để thanh toán cho ông Trần Văn T nên hai bên có thỏa thuận và giao kết thêm Giấy thỏa thuận cam kết ngày 14/4/2017. Đến ngày 17/4/2017, ông Lê Văn R, bà Lê Thị M có giao cho ông Trần Văn T số tiền 1.200.000.000 đồng. Tuy nhiên do ông Lê Văn R, bà Lê Thị M không mang bản chính giấy chứng nhận thửa đất số 15 tờ bản đồ 845 xã P, huyện C để thế chấp cho ông Trần Văn T nên các bên thỏa thuận cho ông Lê Văn R, bà Lê Thị M mượn lại để làm thủ tục tặng cho thửa đất trên cho bà Lê Thị Thanh T, sau đó bà Lê Thị Thanh T ra công chứng thế chấp lại cho ông Trần Văn T để đảm bảo cho khoản tiền 2.300.000.000 đồng. Ông Trần Văn T đồng ý với điều kiện bà Võ Thị M phải ghi xác nhận vào tờ cam kết ngày 14/4/2017. (BL50, 51)

[2] Xét thấy lời khai của các đương sự là có sự mâu thuẫn với nhau, cụ thể về nguồn gốc phát sinh tranh chấp, về mục đích ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ký Giấy thỏa thuận cam kết ngày 14/4/2017 mâu thuẫn với nội dung của các chứng cứ trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện đối chất giữa các đương sự để làm rõ việc bị đơn ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là để trả nợ cho người con là ông Lê Văn V hay thực tế hai bên chuyển nhượng đất thực sự. Nếu là chuyển nhượng đất thực sự thì bị đơn có nhận của nguyên đơn số tiền 3.500.000.000 đồng không, vì nội dung của hợp đồng của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0023227 ngày 01/12/2016 chỉ thể hiện giá trị chuyển nhượng là 100.000.000 đồng và hai bên giao nhận tiền ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và Giấy thỏa thuận cam kết ngày 14/4/2017, lời khai của nhân chứng bà Võ Thu M về việc có ghi thêm vào giấy thỏa thuận cam kết ngày 14/4/2017 để buộc ông Lê Văn R, bà Lê Thị M phải trả cho ông Trần Văn T 2.300.000.000 đồng trong khi đó ông Lê Văn R, bà Lê Thị M thừa nhận có ký giấy thỏa thuận nhưng không thừa nhận nội dung của giấy thỏa thuận này. Lời khai của nguyên đơn và nhân chứng có sự mâu thuẫn với nhau về thời điểm nhận số tiền 1.200.000.000 đồng (nguyên đơn khai nhận cùng ngày 14/4/2017, nhân chứng khai nguyên đơn nhận ngày 17/7/2017). Ngoài ra, xét nội dung giấy thỏa thuận ngày 14/4/2017 mà Tòa án cấp sơ thẩm dùng làm căn cứ xét xử cũng có nhiều mâu thuẫn, cụ thể: tại sao trong giấy thỏa thuận có ghi: “Bên A sẽ thế chấp giấy chứng nhận của căn nhà số:...tờ bản đồ số 15 thửa đất số 845...Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng Công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh” mà người làm chứng là bà Võ Thu M lại ghi là có “mượn lại giấy tờ trên” tức là mượn của ai? Nếu mượn của ông bà Lê Văn R – Mai hay của ông Trần Văn T cũng đều có mâu thuẫn với nội dung giấy thỏa thuận ngày 14/4/2017. Tòa án cấp sơ thẩm không cho các bên đối chất làm rõ để xác định giá trị của chứng cứ là giấy thỏa thuận cam kết ngày 14/4/2017 là chưa xem xét một cách khách quan, toàn diện các chứng cứ. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm nhận định

không đưa ông Lê Văn V vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của các bên đương sự.

[3] Xét thấy bà Võ Thu M là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn R trong vụ án thụ lý số 437/2016/TLST-DS ngày 22/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, bà đồng thời cũng là người thương lượng thỏa thuận cho ông Lê Văn R, bà Lê Thị M với ông Trần Văn T. Ngày 07/6/2017 ông Trần Văn T có đơn khởi kiện ông Lê Văn R, bà Lê Thị M, nhưng tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0006803 ngày 14/6/2017 lại do bà Võ Thu M nộp thay và ký tên (BL49). Trong hồ sơ không có văn bản thể hiện ông Trần Văn T ủy quyền cho bà Võ Thị M được quyền nộp thay tiền tạm ứng án phí. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận biên lai thu tiền tạm ứng án phí của ông Trần Văn T do bà Võ Thị M nộp là vi phạm Điều 195 BLTTDS2015. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ mối quan hệ giữa bà Võ Thị M với ông Trần Văn T để xác minh lời khai của bà Võ Thị M có khách quan hay không để từ đó căn cứ vào chứng cứ cũng như lời khai của bà Võ Thị M buộc ông bà Lê Văn R – Mai trả tiền cho ông Trần Văn T là chưa có căn cứ vững chắc.

[4] Với những phân tích trên, do việc thu thập chứng cứ và chứng minh của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn R, bà Lê Thị M là có căn cứ nên được chấp nhận, nghĩ nên hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C để điều tra giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[5] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Thanh H đại diện cho ông Trần Văn T cung cấp cho Tòa án “Giấy nộp tiền” tại ngân hàng Sacombank – PDG A do ông Trần Văn T chuyển cho ông Lê Văn R ngày 01/12/2016, bà Lê Thị Thanh T đại diện cho ông Lê Văn R cung cấp cho Tòa án “Giấy giao nhận” tháng 12/2016 có nội dung ông Trần Văn T giao cho ông Lê Văn R số tiền 1.000.000.000 đồng và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0016302 ngày 16/12/2014 giữa ông Lê Văn V và ông Trần Văn T để yêu cầu Tòa án xem xét rõ bản chất của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/12/2016 và quan hệ vay mượn giữa ông Trần Văn T với ông Lê Văn R, bà Lê Thị M, ông Lê Văn V.

Xét thấy đây là yêu cầu mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm mà cấp phúc thẩm không thể điều tra bổ sung được. Do đó cần phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại khi giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 491/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C về việc tranh chấp đòi lại tài sản giữa nguyên đơn ông Trần Văn T với bị đơn ông Lê Văn R, bà Lê Thị M.

- Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn R, bà Lê Thị M không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Lê Văn R, bà Lê Thị M theo biên lai thu số 0007322 ngày 06/10/2017 (do ông Lê Văn R đóng) và biên lai thu số 0007321 ngày 06/10/2017 (do bà Lê Thị M đóng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu (T 17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Hải